

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2025
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lệ**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Liên**

Ông Đỗ Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tùng Lâm** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 1, tổ 12, ngõ 68/37/23 phường Q, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Vắng mặt (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Bùi Hoàng L**, sinh năm 1978

HKTT: Khu S, phường V, thành phố Bắc Ninh

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam số 5, địa chỉ: Đội Mới, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn, bà Trần Thị T trình bày:**

Bà và ông Bùi Hoàng L kết hôn với nhau ngày 24 tháng 04 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến khoảng năm 2018, bà phát hiện ông L nghiện ma túy, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân với ông L từ đó cho đến nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với nhau được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Hoàng L.

- Về con chung: Bà và ông Bùi Hoàng L có 02 con chung là Bùi Hoàng Đức Anh, sinh ngày 15/01/2000 và Bùi Hoàng Đức Minh sinh ngày 19/11/2009. Nay ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Hoàng Đức Minh cho bà trực tiếp nuôi. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Bùi

Hoàng Đức Anh đã là người trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

* *Bị đơn, ông Bùi Hoàng L trình bày:* Ông và bà T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến tháng 12 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có khuyên can nhưng không thể hàn gắn. Mặt khác kể từ tháng 12 năm 2023, do ông tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị tòa án tuyên phạt 18 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam số 5 Bộ công an. Nay bà T xin ly hôn, ông xác định không còn tình cảm với bà T nên đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà có 02 con chung là Bùi Hoàng Đức Anh, sinh ngày 15/01/2000 và Bùi Hoàng Đức Minh sinh ngày 19/11/2009. Nay ly hôn, ông đồng ý giao con chung Bùi Hoàng Đức Minh cho bà T trực tiếp nuôi. Ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Bùi Hoàng Đức Anh đã là người trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện và tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình như có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; tham gia đầy đủ các phiên họp; nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Bị đơn: Đã hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị T được ly hôn ông Bùi Hoàng L;

- Giao con chung là Bùi Hoàng Đức Minh sinh ngày 19/11/2009 cho bà T trực tiếp nuôi; do bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết cho bà được ly hôn ông Bùi Hoàng L, có hộ khẩu thường trú: Khu Suối Hoa, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Bùi Hoàng L và bà Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông L đều xác định trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông L lại phạm tội liên quan đến ma túy nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Vợ chồng đã mất ai người nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà T xin ly hôn, ông L đồng ý

Hội đồng xét xử xét:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để các bên hòa giải đoàn tụ gia đình. Đối với nguyên đơn, đã được tòa án giải thích, thuyết phục nhiều lần nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn và xác nhận bản thân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên đang phải thụ án tại Phân trại số 2, Trại giam số 5 Bộ công an.

Về mặt thực tế ông L bà T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó việc bà T xin ly hôn ông L là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: Bà T và ông L đều xác định ông bà có hai con chung là Bùi Hoàng Đức Anh, sinh ngày 15/01/2000 và Bùi Hoàng Đức Minh sinh ngày 19/11/2009. Hiện hai con chung đang ở cùng với bà T. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, ông L bà T thống nhất giao con chung Bùi Hoàng Đức Minh sinh ngày 19/11/2009 cho bà T được trực tiếp nuôi. Ông L không cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng do đang chấp hành án. Đây là nguyện vọng, sự thỏa thuận tự nguyện và thống nhất của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, quyết định giao hai con chung Bùi Hoàng Đức Minh cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Đối với con chung Bùi Hoàng Đức Anh, sinh ngày 15/01/2000, các đương sự đều xác định con chung Bùi Hoàng Đức Anh đã là người trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Hoàng Đức Anh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 58, 195, 227, 228, 232, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị T về việc “Ly hôn”;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Bùi Hoàng L

2. Về con chung: Giao Bùi Hoàng Đức Minh, sinh ngày 19/11/2009 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp; theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23/0001071 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. (Bà T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND phường Vũ Ninh
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ